

Số: 219 /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày 01 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 8 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 8 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trên cơ sở các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình, thông qua các hoạt động khảo sát, giám sát; ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự cuộc họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TRÌNH KỲ HỌP

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 (Lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách)

Sau khi nghiên cứu Báo cáo số 1473/BC-UBND ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022, Ban KT-NS cơ bản nhất trí nội dung đánh giá những kết quả đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2022.

Ngay từ đầu năm do chịu ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh covid- 19, tác động của tình hình thế giới giá xăng dầu tăng cao, làm cho giá cả nhiều mặt hàng tăng mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống sinh hoạt của người dân, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực, cố gắng các ngành, các cấp, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, các chỉ tiêu kinh tế- xã hội đã thu được những kết quả tích cực như: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,46%, tăng 1,23% so với cùng kỳ năm trước, đạt so với kịch bản tăng trưởng chung của cả nước 6 tháng đầu năm (từ 5,1 – 5,7%); Công nghiệp và xây dựng tăng 12,44%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,07%; Thu ngân sách nhà nước ước đạt 2.660.000 triệu đồng, so với dự toán Trung ương giao đạt 157,9%, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 131,8%, so với cùng kỳ năm trước bằng 337%;

Kết quả đạt được trên từng lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Diện tích các loại cây trồng cơ bản đều vượt so với kế hoạch, Chăn nuôi và thú y: tình hình dịch bệnh được khống chế, kiểm soát tốt, kết quả phát triển đàn gia súc, gia cầm cơ bản đều vượt so với cùng kỳ năm 2021.

- Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng: Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 (theo giá hiện hành) đạt 2.798 tỷ đồng, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 49,8% kế hoạch. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng chủ yếu do sản xuất và phân phối điện, ngành khai khoáng tăng cao so với cùng kỳ.

- Lĩnh vực dịch vụ đạt 4,16% (giảm 0,32% so với 6 tháng đầu năm 2021 là 4,48%). Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá du lịch, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, tổng thu du lịch ước đạt 154,1 tỷ đồng, bằng 381,2% so với cùng kỳ năm 2021 (đạt 38,5% KH năm).

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, giải ngân vốn đầu tư công được 495,6/3.334,549 tỷ đồng, đạt 14,9% so với kế hoạch.

- Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã: Đăng ký thành lập mới 84 doanh nghiệp, đạt 50% Kế hoạch; Thành lập mới 11 hợp tác xã, đạt 78,6% Kế hoạch; Tổng số dự án được cấp mới Chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư là 12 dự án, tổng vốn đăng ký là 1.754 tỷ đồng;

- Công tác tài nguyên và môi trường được quan tâm thực hiện, UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 của 10 huyện, thành phố; hoàn thành dự thảo Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 trình Bộ Tài nguyên Môi trường thẩm định; chỉ đạo hoàn thành thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 09 huyện, hoàn thành Phương án quy hoạch phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo công tác lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, ban KTNS đề nghị UBND tỉnh cần bổ sung số liệu và đánh giá cụ thể trên một số lĩnh vực sau:

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và so sánh đối với 17 chỉ tiêu theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các đề tài, chương trình, dự án đầu tư, nghiên cứu về các cây trồng có thế mạnh như: Cây hạt dẻ, cây lê vàng, cây chanh leo... Các mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, phân tích rõ thêm việc tiêu thụ đối với 35 sản phẩm OCOP đã có thương hiệu trên thị trường, vấn đề mở rộng các sản phẩm OCOP đã có thương hiệu trong thời gian tới.

- Kết quả trồng rừng mới đạt 2% kế hoạch, chỉ tiêu thực hiện công tác di dời gia súc ra khỏi gầm nhà sàn mới đạt 9,2% kế hoạch, nêu rõ nguyên nhân, lý do, những hạn chế, đề nghị đánh giá việc tổ chức triển khai Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Báo cáo thêm về tình hình phát triển các ngành nghề truyền thống, các sản phẩm đặc sản của địa phương để phục vụ khách du lịch.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm có tăng so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên số thu nội địa ước đạt là 659.500 triệu đồng, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 36,9%; Đề nghị làm rõ nguyên nhân, lý do, những hạn chế trong công tác chỉ đạo thu ngân sách của các ngành các cấp, việc đôn đốc thu nợ các đơn vị có số nợ lớn, kéo dài qua nhiều năm.

- Hoạt động tín dụng ngân hàng: Nợ xấu ước tính là 143 tỷ đồng, chiếm 1,09% trong tổng dư nợ. Nợ xấu tăng so với cùng kỳ năm 2021 và so với đầu năm 2022 (so với 31/12/2021 số dư nợ xấu tăng 37,3 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu tăng 0,27%; so với cùng kỳ năm 2021, nợ xấu tăng 0,63%). Đề nghị đánh giá nguyên nhân, lý do dẫn đến nợ xấu tăng.

- Giải ngân vốn đầu tư công: Kết quả giải ngân vốn đầu tư công: 495,6/3.334,5 tỷ đồng đạt 14,9% KH, Theo báo cáo của UBND tỉnh: Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công tăng so với cùng kỳ năm trước là 5% (tính trên số vốn đầu tư công đã phân bổ chi tiết). Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả giải ngân và đánh giá tiến độ theo tổng vốn đầu tư công năm 2022 theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh (3.739,714 tỷ đồng)). Đồng thời, báo cáo bổ sung tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 (nguồn ngân sách địa phương và nguồn ngân sách trung ương).

Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung thêm giải pháp như sau:

- Xây dựng các giải pháp, phương án, kịch bản tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2022 đã đề ra là 8%.

- Có các giải pháp tích cực hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư và lĩnh vực nông nghiệp được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, tiếp tục chỉ đạo các sở ngành, phối hợp các huyện có các biện pháp cụ thể triển khai thực hiện các chỉ tiêu còn đạt thấp như: trồng rừng, di dời gia súc ra khỏi gầm nhà sàn.

- Hoạt động xuất khẩu còn nhiều hạn chế, kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch hàng giám sát, tạm nhập tái xuất giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2021 (kim ngạch xuất khẩu ước đạt 15 triệu USD, bằng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 5% KH và kim ngạch hàng giám sát, tạm nhập tái xuất ước đạt 27 triệu USD, bằng 23,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 13,2% KH năm). Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn đưa giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với việc xuất khẩu hàng hóa, chỉ đạo các đơn vị liên quan thiết lập "vùng xanh" bảo đảm phòng chống dịch Covid-19 phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa khu vực các cửa khẩu.

- Tích cực đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan khẩn trương phân bổ số vốn chưa giao của Kế hoạch đầu tư công năm 2022. Tổng hợp, phân tích nguyên nhân chậm giải ngân của từng dự án (dự án chậm do lập hồ sơ thủ tục, dự án chậm do giải phóng mặt bằng, dự án chậm do chủ đầu tư năng lực yếu, dự án chậm do nhà thầu năng lực yếu,...), từ đó đề

ra các giải pháp cụ thể để chỉ đạo giải quyết. Rà soát, điều chỉnh cắt giảm vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án giải ngân chậm, giải ngân thấp.

- Tiếp tục đưa ra các giải pháp cụ thể cải thiện các chỉ số cải cách hành chính (hạng 57/63), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (hạng 63/63).

II. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022 của UBND tỉnh

Ban KTNS cơ bản nhất trí với báo cáo của UBND tỉnh, năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách (giai đoạn 2022-2025) theo quy định của Luật NSNN; trong 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh có triển khai thực hiện các chính sách miễn thuế, giảm thuế, giảm mức thu phí, lệ phí và gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022¹, cùng với tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh diễn biến nhanh, phức tạp và kéo dài nhiều hoạt động phải tạm dừng do thực hiện giãn cách để phòng chống dịch đã ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh. Một số kết quả cụ thể:

a) Về đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2022

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.660 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa được 660 tỷ đồng, bằng 45% dự toán TW giao, bằng 36,9% dự toán HĐND giao, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2021; Thu xuất nhập khẩu 2.000 tỷ đồng, bằng 909,1% dự toán TW giao, bằng 869,6% dự toán HĐND giao, bằng 1.892% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố ước thực hiện là 276 tỷ đồng, bằng 38% dự toán HĐND giao, bằng 92% so với cùng kỳ năm 2021. Các huyện thu đạt từ 25% đến 55% dự toán được giao đầu năm².

- Theo khoản thu ước tính có 1/16 khoản thu hoàn thành vượt dự toán (Thu khác ngân sách - ước đạt 118,9%); 5/16 khoản thu đạt tiến độ thu thuế bình quân (thuế thu nhập cá nhân đạt 77,5%, thu phí - lệ phí đạt 55,5%, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 54,5%);

Ban Kinh tế - ngân sách thấy rằng:

- Thu nội địa đạt thấp, ước chỉ được 660 tỷ đồng, bằng 45% dự toán TW giao, bằng 36,9% dự toán HĐND giao, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2021.

- Một số khoản thu đạt thấp: thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (ước đạt 34,0%); thu tiền sử dụng đất (ước đạt 20,4%); thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (ước đạt 25,9%);

¹ Miễn thuế theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, giảm thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số Nghị quyết 18/2022/UBTVQH15, Nghị định số 103/2021/NĐ-CP về giảm mức thu lệ phí trước bạ, giảm số thu lệ phí trước bạ từ 01/01/2022 đến 31/5/2022, (Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022).

² 02 huyện Thạch An, Nguyên Bình đạt trên 50%, 04 huyện Thành Phố Cao Bằng, Bảo Lạc, Hà Quảng, Hạ Lang đạt từ 40% đến 49%, 03 huyện Hòa An, Quảng Hòa, Bảo Lâm đạt 31% đến 34 % và huyện Trùng Khánh đạt 25%.

- Số nợ thuế 6 tháng đầu năm 2022 ước là 266,3 tỷ đồng, có giảm so với cùng kỳ năm 2021 (6 tháng đầu năm 2021 là 324,5 tỷ đồng), tuy nhiên nợ thuế vẫn còn ở mức cao. Một số người nộp thuế đang hoạt động có số nợ thuế lớn qua nhiều năm (Công ty TNHH MTVTN Khoáng sản Hối Thăng nợ: 62.491 triệu đồng; Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng sản Bảo Lâm nợ: 18.350 triệu đồng; Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Đông Bắc nợ: 17.803 triệu đồng);

- Tiến độ thực hiện khoan nợ và xóa nợ theo quy định của Nghị quyết số 94 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng chậm, đến 30/6/2023 phải hoàn thành việc khoan nợ và xóa nợ theo quy định của Nghị quyết số 94, tuy nhiên từ 01/7/2020 đến ngày 31/3/2022 mới khoan nợ được 385 người nộp thuế (*trương ứng với 21,47% số người nộp thuế thuộc diện được khoan, trong đó: tỷ lệ số người nộp thuế là hộ cá nhân, cá nhân kinh doanh được khoan đạt 8,7%*); xóa nợ được đối với 231 người nộp thuế (*trương ứng với 13,1% số người thuộc diện được xóa nợ, trong đó: người nộp thuế là hộ cá nhân, cá nhân kinh doanh mới đạt 8,43%*);

Ban KTNS kiến nghị với UBND tỉnh:

- Giải trình thêm về phương án điều hành ngân sách do biến động số thu ngân sách địa phương và thu ngân sách tỉnh khi thực hiện các chính sách về miễn, giảm thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế (hợp thẩm tra Cục Thuế tỉnh báo cáo dự kiến hụt thu 100 tỷ đồng).

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục để kịp thời thực hiện nội dung thu tiền sử dụng đất.

- Có các biện pháp xử lý dứt điểm đối với các trường hợp nợ đọng tiền thuế, phí, tiền phạt, tiền chậm nộp quy định của pháp luật đối với những đối tượng nợ đọng tiền thuế lớn từ nhiều năm như: Công ty TNHH MTVTN Khoáng sản Hối Thăng; Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng sản Bảo Lâm; Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Đông Bắc.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất để hỗ trợ người nộp thuế khắc phục khó khăn, ngân sách địa phương có nguồn thu trong thời gian tới.

b) Về tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN 6 tháng đầu năm 2022

Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 2.904 tỷ đồng, so với dự toán TW giao đạt 27%, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 27%, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 495,6 tỷ đồng, đạt 14,9% dự toán HĐND tỉnh giao; Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp: 2.406 tỷ đồng, đạt 34% dự toán HĐND tỉnh giao.

Nguồn dự phòng ngân sách năm 2022 (*bao gồm chuyển nguồn năm trước sang*) bố trí 162,091 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh 57,722 tỷ, cấp huyện 104,369 tỷ. Đến 31/5/2022 toàn tỉnh đã chi 22,721 tỷ đồng (cấp tỉnh chi 12 tỷ đồng, cấp huyện chi 10,721 tỷ đồng).

Ban Kinh tế - ngân sách thấy rằng:

- Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi chậm, chi đầu tư phát triển là 495,6 tỷ đồng, đạt 14,9% dự toán HĐND tỉnh giao do còn 1 số dự án chưa đủ điều kiện phân bổ; Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp: 2.406 tỷ đồng, đạt 34% dự toán HĐND tỉnh giao do đến nay mới chi thường xuyên mới chủ yếu thực hiện được các nội dung chi lương và các khoản có tính chất lương.

- Việc giao dự toán chi cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi chưa được hoàn thành, đối với chi thường xuyên cấp tỉnh còn 440,6 tỷ đồng, trong đó chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo chưa phân bổ: 167 tỷ đồng; Số kinh phí còn lại 220 tỷ đồng (bao gồm cả nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương); Số kinh phí chi thường xuyên chưa phân bổ từ đầu năm của một số huyện lớn (Thạch An còn 21%; Hòa An còn 15%; Hạ Lang còn 28%), ảnh hưởng tới tính chủ động của các đơn vị thực hiện dự toán và chất lượng thực hiện nhiệm vụ chi.

- Các huyện giao mức bố trí dự phòng của ngân sách cấp xã chưa đạt từ 2%-4% theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chi của cấp xã³.

- Tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi chậm, do chi đầu tư phát triển còn 1 số dự án chưa đủ điều kiện phân bổ; chi thường xuyên mới chủ yếu thực hiện được các nội dung chi lương và các khoản có tính chất lương.

Ban KTNS kiến nghị với UBND tỉnh:

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phân bổ, giao dự toán ngân sách của cấp huyện để nâng cao chất lượng sử dụng NSNN.

- Khẩn trương trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư dự án đối với các dự án đã đầy đủ hồ sơ, để làm căn cứ để đưa vào kế hoạch đầu tư công và triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện dự toán NSDP thực hiện triệt để tiết kiệm từ khâu lập dự toán; tính toán đầy đủ các nội dung chi thuộc về lương, chế độ chính sách để xây dựng dự toán, tránh để bỏ sung trong năm.

III. Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022 của UBND tỉnh

a) Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022

Qua thẩm tra cho thấy UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, đơn vị và đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể:

³ huyện Thạch An chưa phân bổ kinh phí dự phòng cho ngân sách cấp xã; huyện Hòa An mới chi giao mức 50 triệu đồng/01 xã, huyện Hạ Lang mới chi giao mức 35 triệu đồng/01 xã.

- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản nhà nước (thông qua thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán, thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, thực hiện đầu tư, thi công, thẩm tra phê duyệt quyết toán đối với các công trình, dự án hoàn thành) được: **25.782 triệu đồng**⁴ (tăng 6.305 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021); Tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN 06 tháng đầu năm 2022 với tổng số tiền là **20.070 triệu đồng**⁵ (tăng 16.432 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021).

- Về sắp xếp lại cơ sở nhà, đất: UBND tỉnh chỉ báo cáo: “UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng. Trong đó, tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng đối với 2.382 cơ sở nhà, đất. Tổng diện tích đất 5.352.216,47m²; tổng diện tích sàn sử dụng nhà 2.164.487m²”. Báo cáo của UBND tỉnh chưa có số liệu về kết quả thực hiện của diện tích sàn sử dụng cần được sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung:

- Trong phần lời của báo cáo chưa có các số liệu minh chứng, đánh giá, so sánh với cùng kỳ mà số liệu chỉ để trong phần biểu, cần bổ sung số liệu vào phần thuyết minh của báo cáo. Đồng thời, báo cáo đánh giá bổ sung tình hình thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí được UBND tỉnh đề ra tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 ban hành Chương trình tổng thể của tỉnh Cao Bằng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

- Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí? Sau tuyên truyền thì kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí có chuyển biến không?

- Kết quả thực hiện của diện tích sàn sử dụng cần được sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng?

- Tỷ lệ tiết kiệm được thông qua các hoạt động: Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán? Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh? Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành? Tiến độ thực hiện Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành?

- Số biên chế chưa sử dụng (còn 214 biên chế) vậy kinh phí tiết kiệm chi cho những biên chế chưa sử dụng nêu trên là bao nhiêu? Số kinh phí tiết kiệm này sử dụng như thế nào?

b) Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2022

⁴ trong đó: Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán tiết kiệm được 95 triệu đồng; Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh tiết kiệm được 25.407 triệu đồng; Thực hiện đầu tư thi công tiết kiệm được 166 triệu đồng; Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tiết kiệm được 114 triệu đồng

⁵ trong đó: Tiết kiệm chi quản lý hành chính 1.030 triệu đồng; Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại 367 triệu đồng; Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức 2.964 triệu đồng; Tiết kiệm kinh phí y tế 15.710 triệu đồng.

Ban KT-NS HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như báo cáo của UBND tỉnh đã nêu. Tuy nhiên, Ban đề nghị UBND tỉnh:

- Chỉ đạo tất cả các đơn vị thực hiện nghiêm việc thực hành tiết kiệm trong sử dụng và thanh toán NSNN theo kế hoạch năm 2022 để đảm bảo sự công bằng trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện dự toán NSDP thực hiện triệt để tiết kiệm từ khâu lập dự toán, phê duyệt dự án.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH KỲ HỌP

I. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP tỉnh Cao Bằng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 và được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, với tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP là 10.929.483 triệu đồng, trong đó: Số vốn đã phân bổ chi tiết là 8.277.811,874 triệu đồng, số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 2.651.671,126 triệu đồng. Mặt khác, tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 nguồn vốn hợp pháp khác là 262.000 triệu đồng (nguồn vốn này là do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng hỗ trợ để thực hiện dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Tuy nhiên, sau khi hoàn thiện các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án, số vốn thực tế do Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng hỗ trợ là 49.100 triệu đồng, giảm 212.000 triệu đồng so với mức vốn ghi tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND.

Do vậy, cần điều chỉnh tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng giảm từ 10.929.483 triệu đồng còn 10.716.583 triệu đồng và phân bổ chi tiết số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 là: 2.651.671,126 triệu đồng.

Việc ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP tỉnh Cao Bằng (lần 2) là cần thiết và phù hợp với quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công.

Dự thảo nghị quyết được xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết:

(1) Điều chỉnh giảm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND

Tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSDP là 10.929.483 triệu đồng, nay điều chỉnh tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng giảm từ 10.929.483 triệu đồng xuống còn 10.716.583 triệu đồng.

(2) Phân bổ vốn vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND như sau:

a. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

- Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là: 361.548,589 triệu đồng, nay phân bổ chi tiết số vốn: 275.349,589 triệu đồng, còn lại 86.199 triệu đồng chưa đủ điều kiện phân bổ. Cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) là 141.100,804 triệu đồng, phân bổ chi tiết số vốn: 127.600,804 triệu đồng, đồng còn 13.500 triệu đồng chưa đủ điều kiện phân bổ.

+ Nguồn vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất là 200.000,0 triệu đồng, phân bổ chi tiết số vốn: 127.301,0 triệu đồng, còn 72.699 triệu đồng chưa đủ điều kiện phân bổ.

+ Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 20.447,785 triệu đồng, phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn: 20.447,785 triệu đồng.

b. Tăng thu ngân sách địa phương

- Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương là 1.897.686,537 triệu đồng, phân bổ chi tiết số vốn: 507.133,733 triệu đồng, còn 1.390.552,804 triệu đồng chưa đủ điều kiện phân bổ.

c. Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác

- Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, nguồn thu hợp pháp khác 262.000 triệu đồng đề nghị điều chỉnh giảm xuống còn 49.100 triệu đồng và phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn 49.100 triệu đồng.

(3) Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND
 Tổng số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết còn lại là 1.607.187,804 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) là 13.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 72.699 triệu đồng.
- Nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương: 1.390.552,804 triệu đồng.
- Nguồn vốn nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: 130.436 triệu đồng.

(4) Điều chỉnh số vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND và Nghị quyết số 86/NQ-HĐND

- Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí):

+ Điều chỉnh giảm 5.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án: Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Sau điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của dự án giảm từ 15.000 triệu đồng còn 10.000 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng 5.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án: Trụ sở làm việc Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa. Sau điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án tăng từ 5.000 triệu đồng lên 10.000 triệu đồng.

(5) Điều chỉnh bổ sung các dự án đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất (các dự án ứng vốn từ quỹ phát triển đất của tỉnh giai đoạn 2016-2020)

Điều chỉnh bổ sung các dự án đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất (các dự án ứng vốn từ quỹ phát triển đất của tỉnh giai đoạn 2016-2020) với tổng số vốn là 463.083 triệu đồng.

* Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh:

- Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do, trách nhiệm của các đơn vị đối với việc tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSĐP tỉnh Cao Bằng trong việc để tồn tổng số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 1.607.187,804 triệu đồng.

- Tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng điều chỉnh: Mức vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh được phân bổ (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) từ 10% xuống 5% để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn cân đối ngân sách địa phương, tương ứng với số tiền là: 184.364,196 triệu đồng. Tuy nhiên, qua rà soát Ban KTNS thấy rằng nội dung này UBND tỉnh mới trình phân bổ 19.000 triệu đồng cho 02 dự án (Dự án nông nghiệp thông minh: 18.500

triệu đồng và dự án Hạ tầng đô thị huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng: 500 triệu đồng). Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo nguyên nhân, lý do chưa phân bổ hết số vốn nêu trên?

- Đối với dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư: bố trí vốn đối ứng 3.000 tỷ, vượt 500 tỷ so với tỷ lệ đối ứng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2021, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo tiến độ, khó khăn, giải pháp điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và khẩn trương đề nghị cấp có thẩm quyền sớm Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng).

- Dự án: Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng: bố trí vượt tổng mức đầu tư: 57,647 tỷ đồng, đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do đến nay chưa thực hiện xong thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án?

- Đề nghị UBND tỉnh khẳng định nguồn vốn đối ứng để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phân tỉnh đối ứng (từ nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương) đảm bảo đáp ứng đủ theo tỷ lệ quy định trong trường hợp hụt thu.

- Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ nguyên nhân, lý do: Phân bổ vốn chưa đúng với Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước: quy định tại Điểm đ - Khoản 8 - Điều 4 - Nghị Quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020: Chưa phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án. Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đúng theo quy định tại Điểm đ - Khoản 8 - Điều 4 - Nghị Quyết số 973/2020/UBTVQH14.

- Theo quy định tại Khoản 12 - Điều 3 - Nghị quyết về sửa đổi Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, đối với nguồn thu tiền sử dụng đất quy định: *“thực hiện theo nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh và các quy định về sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất”*.

Đối với Quỹ phát triển đất tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, nguồn vốn này được tính bằng 331 tỷ đồng và dự kiến bố trí cho 8 dự án vay vốn từ Quỹ phát triển đất. Tuy nhiên, sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021: Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) có điều chỉnh lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia. Ban KTNS, đề nghị UBND tỉnh rà soát và tính toán lại nguồn thu này và giải trình rõ số vốn 331 tỷ đồng này có thay đổi không? Mặt khác, theo Công văn số 4507/BTC-QLNS ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hoạt động của Quỹ phát triển đất của địa phương vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể

cho nên các dự án liên quan tạm thời chưa xem xét, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo phương án xử lý đối với nguồn vốn này?

- Đối với việc điều chỉnh bổ sung các dự án đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất (các dự án ứng vốn từ quỹ phát triển đất của tỉnh giai đoạn 2016-2020) với tổng số vốn là 463.083 triệu đồng: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình, bổ sung các căn cứ pháp lý trong việc sử dụng nguồn vốn của giai đoạn 2016-2020 để bố trí ứng vốn thực hiện các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025; Đồng thời, theo Công văn số 4507/BTC-QLNS ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hoạt động của Quỹ phát triển đất của địa phương vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể hơn cho nên các dự án liên quan tạm thời chưa xem xét. Đối với nội dung này Ban KTNS không nhất trí đưa số vốn là 463.083 triệu đồng (dự kiến bố trí cho 04 dự án ứng vốn từ quỹ phát triển đất của tỉnh giai đoạn 2016-2020) tổng hợp chung vào nghị quyết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 mà sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ tài chính sẽ xem xét xây dựng nghị quyết riêng. Đề nghị các đại biểu thảo luận cho ý kiến.

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo nguyên nhân, lý do chưa trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với những hồ sơ dự án đã đủ điều kiện.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

II. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ Luật Đầu tư công; Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng;

- Tình hình thực hiện, giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của các chương trình, dự án đến thời điểm 30/5/2022 và đề xuất của các chủ đầu tư.

Dự thảo nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết

- Điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể:
 - + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022 của 20 dự án với số vốn là 120.591,610 triệu đồng;
 - + Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2022 cho 16 dự án với số vốn là 120.591,610 triệu đồng;
- Điều chỉnh nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2022 (*nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh*), cụ thể:
 - + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022 của 03 dự án thuộc danh mục chuẩn bị đầu tư và chuyển sang danh mục dự án khởi công mới năm 2022, điều chỉnh giảm số vốn chưa phân bổ chi tiết với số vốn điều chỉnh giảm là 170.395,587 triệu đồng;
 - + Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2022 cho 03 dự án đã có Quyết định phê duyệt, để các chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo, số vốn điều chỉnh tăng là 170.395,587 triệu đồng;
- Điều chỉnh nguồn vốn vay lại từ Chính phủ năm 2022, cụ thể:
 - + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2022: 01 dự án, với số vốn 116,064 triệu đồng (do dự án kết thúc năm 2022, hết nhu cầu vốn).
 - + Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2022: 01 dự án, với số vốn 116,064 triệu đồng.
- * Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh
 - Căn cứ Điều 2, Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng: Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 (tại quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 25/3/2022).
 - Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình, bổ sung căn cứ pháp lý trong việc quyết định bổ sung thêm danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công năm 2022 (Dự án đầu tư xây dựng công trình trung tâm điều hành, công và Giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Chu Trinh.
 - Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát các công trình dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 cần điều chỉnh để đảm bảo thực hiện đầy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.
 - Đề nghị UBND tỉnh báo cáo chi tiết, đầy đủ nguyên nhân, lý do, các căn cứ đề nghị điều chỉnh bổ sung vốn đối với các dự án đề nghị điều chỉnh tăng giảm vốn năm 2022.
 - Đề nghị UBND tỉnh báo cáo chi tiết tiến độ giải ngân đối với các dự án được kéo dài kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2017 và năm 2018 sang giai đoạn 2021 - 2025, thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2022, tỉnh Cao bằng có 02 dự án thuộc đối tượng nêu trên gồm: Đường tỉnh

208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) - xã Cách Linh, Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh) và Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng.

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo chi tiết tiến độ giải ngân và phương án điều chỉnh vốn đã giao năm 2022 cho dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (năm 2002 tỉnh Cao Bằng giao tổng kế hoạch vốn cho dự án nêu trên là: 953.608 triệu đồng). Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ nguyên nhân, lý do, trách nhiệm và phương án giải quyết đối với số vốn ngân sách trung ương năm 2021 giao cho dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư là: 300.000 triệu đồng không giải ngân được trong năm 2021?

- Tại Điều 3 (dự thảo nghị quyết) Ban KTNS đề nghị: Bỏ cụm từ “ thực hiện giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng cho các đơn vị theo quy định”.

- Tại phần biểu kèm theo của dự thảo Nghị quyết, Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bỏ cột ghi chú vì UBND tỉnh đã Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 (tại quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 25/3/2022).

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (*Bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*).

Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, hiện nay mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp không còn phù hợp theo các văn bản hướng dẫn của trung ương, nên UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ thay thế nội dung lệ phí đăng ký kinh doanh tại Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, là cần thiết, đảm bảo đúng và phù hợp với quy định hiện hành.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết

(1) Đối với tên dự thảo nghị quyết: Qua đối chiếu với nội dung của Thông báo số 120/TB-HĐND ngày 06/5/2022 của HĐND tỉnh về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 của HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021- 2026, hiện nay tên của dự thảo nghị quyết đã có chỉnh sửa, bổ sung thành: “*Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”. *Bổ sung cụm từ: nộp, quản lý và sử dụng.* Qua xem xét Ban nhất trí.

(2) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết:

- Về nội dung thu theo thứ tự 1, đề nghị UBND tỉnh giải trình nội dung thu: “*Quỹ tín dụng nhân dân*” từ căn cứ pháp lý nào? Thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân quy định tại đâu? Mặt khác đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ trong dự thảo gửi xin ý kiến các ngành và các đối tượng tác động tại sao UBND tỉnh chưa quy định đối tượng áp dụng và nội dung thu “*Quỹ tín dụng nhân dân*”?

- Về mức thu đối với 04 nội dung thu trong dự thảo nghị quyết: đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ vào đâu để quy định các mức thu này?

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang áp dụng mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo Nghị quyết 79/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh⁶. Đến năm 2019 Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thay thế Thông tư 250/2016/TT-BTC. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết:

- Theo quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì danh mục “*Lệ phí cấp giấy phép xây dựng*” thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.

⁶ về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Mức thu lệ phí UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bằng mức đã quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ-HĐND, và có so sánh với mức thu của các tỉnh lân cận có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng. Qua thẩm tra Ban có ý kiến như sau:

(1) Đối với tên dự thảo nghị quyết: Qua đối chiếu với nội dung của Thông báo số 120/TB-HĐND ngày 06/5/2022 của HĐND tỉnh về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 của HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021- 2026, hiện nay tên của dự thảo nghị quyết đã có chỉnh sửa, bổ sung thành: “*Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”. *Bổ sung cụm từ: nộp, quản lý và sử dụng.* Qua xem xét Ban nhất trí.

(2) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết:

- Mục a, Khoản 2, Điều 1 của dự thảo nghị quyết quy định: Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức và cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật (bao gồm xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo; di dời công trình; xây dựng có thời hạn; điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đã cấp). Tuy nhiên, tại Mục a,b,c của khoản 2, điều 2 quy định mức thu phí bao gồm các nội dung:

“2. *Mức thu lệ phí*

a) *Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/1 giấy phép;*

b) *Cấp phép xây dựng các công trình khác: 150.000 đồng/1 giấy phép;*

c) *Gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/lần*”.

- Khoản 3, Điều 1 của dự thảo nghị quyết quy định: “3. Đối tượng miễn, giảm: không”. Tuy nhiên, căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 4, Điều 10 của Luật phí và lệ phí quy định như sau: “Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí

1. *Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.*

4. *Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*”.

Vì vậy, Ban đề nghị UBND tỉnh cần bổ sung thêm quy định miễn thu lệ phí cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đối với người có công với cách mạng, hộ nghèo, người khuyết tật.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

V. Nghị quyết về việc giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ nguồn hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

+ Tại khoản 2, khoản 4 Điều 8 Luật NSNN năm 2015 quy định: “2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào NSNN, các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định”.

+ Ngày 25/9/2019, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 11282/BTC-NSNN về việc hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước: “...Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch cho thuê đất, thuê mặt nước cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN hàng năm, gửi cơ quan tài chính để tổng hợp, xây dựng phương án trình UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua để có cơ sở thực hiện hạch toán thu tiền thuê đất, thuê mặt nước mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước và hạch toán chi bồi thường, GPMB tương ứng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”.

Tuy nhiên, hàng năm UBND tỉnh không trình HĐND tỉnh thông qua dự toán về tiền thuê đất đối với các trường hợp nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền nhận chuyển nhượng được trừ vào tiền thuê đất theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên Nghị Quyết về Quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương của HĐND tỉnh từ năm 2022 trở về trước chưa bao gồm các khoản thu liên quan đến việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, GPMB theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nên số tiền 16.065.103.305 đồng tiền thuê đất chưa được khấu trừ ngay của các nhà đầu tư từ năm 2022 trở về trước và bị tính là nợ tiền thuê đất và bị tính tiền chậm nộp tiền thuê đất: 298.172.873 đồng.

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư đã ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì việc ban hành Nghị quyết về việc giao bổ sung dự toán thu chi NSNN năm 2022 từ nguồn hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Về thể thức văn bản: Là Nghị quyết cá biệt, thể thức ban hành đúng theo quy định của Nghị quyết 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Về nội dung Nghị quyết: Ban KTNS đề nghị:

- UBND tỉnh làm rõ đơn vị Cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chi dự toán tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết.

- Rà soát lại tên của các dự án đầu tư tại Phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết để đảm bảo tên dự án chính xác theo quyết định phê duyệt.

- Bổ sung nội dung: “UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu về giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ nguồn hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước” vào Điều 1 của dự thảo nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kiến nghị với HĐND:

(1) Đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ trách nhiệm của các đơn vị được giao nhiệm vụ? Đề xuất các giải pháp thực hiện số tiền phạt chậm nộp là 298.172.873 đồng (do các dự án thuê đất không thông qua hình thức đấu giá, chủ đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng; tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền thuê đất theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt từ năm 2022 trở về trước tại tỉnh Cao Bằng chưa được ghi thu – ghi chi kịp thời để trừ vào tiền thuê đất phát sinh hàng năm nên dẫn đến trên hệ thống quản lý thuế tập trung TMS của cơ quan Thuế, người nộp thuế phát sinh khoản nợ tiền thuê đất và bị tính tiền chậm nộp tiền thuê đất)?

(2) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành khẩn trương xử lý dứt điểm việc hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước, được khấu trừ vào tiền thuê đất hàng năm (từ năm 2021 trở về trước), để trình HĐND tỉnh xem xét thông qua theo quy định.

Từ năm 2023 trở đi HĐND tỉnh không thực hiện việc xem xét ban hành Nghị quyết về việc giao bổ sung dự toán thu chi NSNN từ nguồn hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước, UBND tỉnh phải chịu trách nhiệm đối với nội dung này.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VI. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Hiện nay mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng⁷ và Nghị quyết số 55/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng⁸. Theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

⁷ Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

⁸ Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc về nguyên tắc xác định mức thu thì việc xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo: “*d) Tham khảo mức thu phí, lệ phí của các địa phương liền kề hoặc địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa giữa các địa phương.*” Tuy nhiên, mức thu phí quy định tại Nghị quyết 55/2020/NQ-HĐND là cao so với các tỉnh lân cận như Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai.

Bên cạnh đó, tại phụ lục mức thu phí quy định tại Nghị quyết 55/2020/NQ-HĐND có các cách hiểu khác nhau dẫn đến khó khăn trong việc xác định đối tượng thu phí để thực hiện thu theo đúng quy định. Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là thực sự cần thiết.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Ban KTNS HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

(1) Về phạm vi điều chỉnh: Khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết quy định: “Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”

Tuy nhiên, tại mục V của phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết lại quy định: “... trong khu kinh tế cửa khẩu”, đề nghị làm rõ phạm vi điều chỉnh nội dung quy định tại mục V của phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Nội dung phạm vi điều chỉnh đề nghị bỏ nội dung giải thích: “(gồm: cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính và các cửa khẩu phụ, lối mở, cặp chợ biên giới, điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu được cấp có thẩm quyền cho phép, gọi tắt là cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)”. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

(2) Về quản lý, sử dụng phí: Dự thảo nghị quyết đang đưa ra phương án cơ quan tổ chức thu phí được để lại 50%, 50% nộp vào NSNN”. Tuy nhiên, Ban KTNS thấy:

- Năm 2020: Số phí thu được: 16,120 tỷ đồng, trong đó Cục Thuế thu 12,850 tỷ đồng, Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế (Trung tâm QLKTĐVHT) thu được 3,27 tỷ đồng. Trung tâm QLKTĐVHT được để lại 982,863 triệu đồng (bằng 30% số phí đơn vị thu được); Tổng số kinh phí Trung tâm QLKTĐVHT chỉ là 11,271 tỷ đồng, trong đó: chỉ từ nguồn kinh phí

đơn vị được để lại để chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng, sửa chữa trang thiết bị... là 977 triệu đồng; chi từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng 10,294 tỷ đồng.

- Năm 2021: Số phí thu được: 27,025 tỷ đồng (Trung tâm QLKTDVHT thu 100%). Trung tâm QLKTDVHT được để lại 13,513 tỷ (*bằng 50% số phí đơn vị thu được*); Tổng số kinh phí Trung tâm QLKTDVHT chỉ là 18,581 tỷ đồng, trong đó: chi từ nguồn kinh phí đơn vị được để lại để chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng, sửa chữa trang thiết bị... hết 1,396 tỷ đồng; chi từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng 17,185 tỷ đồng.

+ Kinh phí năm 2021 được trích để lại ở Trung tâm QLKTDVHT 12,116 tỷ đồng chưa sử dụng.

- Năm 2022: Phân đầu thu 22 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao, theo quy định của dự thảo Nghị quyết, đơn vị thu sẽ được trích lại 50% số tiền phí thu được (tương ứng 11 tỷ đồng); Ước tính số chi năm 2022 là 11 tỷ đồng (từ nguồn kinh phí được để lại), trong đó: để chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng, sửa chữa trang thiết bị... hết 2,646 tỷ; chi để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng 8,354 tỷ đồng.

- Để có căn cứ cho ý kiến đối với nội dung “Về quản lý, sử dụng phí” Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh giải trình:

+ Lý do dự toán để chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng... năm 2022 của Trung tâm QLKTDVHT hết 2,646 tỷ, con số này gần gấp 2 lần so với con số quyết toán năm 2021, trong khi các nội dung thu của năm 2021 và 2022 là giống nhau, dự toán thu năm 2022 chỉ là 22 tỷ đồng (năm 2021 thu: 27,025 tỷ đồng)?

+ Nguyên nhân, lý do kinh phí năm 2021 được trích để lại ở Trung tâm QLKTDVHT 12,116 tỷ đồng chưa sử dụng?

Thông tư 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thì: “*Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình xây dựng có dự toán chi phí sửa chữa từ 500 triệu đồng trở lên: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý tài sản công tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình*”. Vậy tính khả thi thực hiện nguồn kinh phí để lại để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng theo nội dung chi thường xuyên?

Luật đầu tư công quy định thẩm quyền của HĐND “*Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương*”). Nếu để chi để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng theo chi đầu tư công thì thực hiện thế nào khi kinh phí trích để lại đơn vị thu chưa đưa vào nguồn thu ngân sách địa phương?

Trong trường hợp kinh phí để lại để thực hiện xây dựng, cải tạo, sửa chữa, duy tu công trình kết cấu hạ tầng không dùng để chi theo hình thức đầu tư công được, Ban KTNS đề xuất HĐND tỉnh áp dụng tỷ lệ: đơn vị thu được để lại 30% và 70% nộp NSNN, để Trung tâm QLKTDVHT có kinh phí chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng, sửa chữa trang thiết bị... và sửa chữa công trình, thiết bị công trình xây dựng có dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng. Đồng thời, chỉ đạo UBND tỉnh rà soát lại các nội dung trong dự toán chi lương, phụ cấp, vật tư văn phòng, sửa chữa trang thiết bị... của Trung tâm QLKTDVHT, để đảm bảo việc thực hiện kinh phí được tiết kiệm, hiệu quả.

Ban KTNS đề nghị đại biểu thảo luận, xem xét quyết định.

(3) Về mức thu tại Phục lục kèm theo: Tại III. 2. Theo loại hình: xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác: Dự thảo quy định:

“2.1. Loại có trọng lượng từ 20 tấn trở lên: 1.000.000 đồng/ 1 chiếc.

2.2. Loại có trọng lượng dưới 20 tấn: 500.000 đồng/ 1 chiếc.”

Ban KT - NS đề nghị dự thảo lại theo hướng 25.000đ/ tấn đối với loại hình này, để đảm bảo sự công bằng đối với các loại hàng hóa.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VII. Nghị quyết quy định mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%) đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết: Hiện nay mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%) đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang thực hiện theo Quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Cao Bằng không còn phù hợp với các quy định hiện hành, do thay đổi căn cứ pháp lý tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP và Thông tư số 13/2022/TT-BTC.

Tại Điểm a, Khoản 5, Điều 8, Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định *“a) Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up): nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức thu quy định chung tại điểm này”*.

Do vậy, để triển khai thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%) đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để thay thế Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết: Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015; Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ; Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ việc ban hành Nghị quyết là đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Qua thẩm tra Ban KTNS HĐND tỉnh thấy UBND tỉnh trình mức thu phí bằng mức đã quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Cao Bằng, mức thu có sự so sánh với 1 số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Cao Bằng.

Ban KTNS HĐND tỉnh nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh về mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%) đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần đầu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là: 12%.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VIII. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang áp dụng mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống theo Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

Đến năm 2019 Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống thay thế Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh là cần thiết, đảm bảo đúng với quy định hiện hành.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Qua thẩm tra Ban KT-NS HĐND tỉnh còn một số ý kiến như sau:

- Đối với thời gian trình ban hành Nghị quyết: Các văn bản quy phạm pháp luật thay thế đã có hiệu lực thi hành hơn 02 năm (Luật Lâm nghiệp thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng và có hiệu lực từ 01/01/2019; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 13/01/2020), đến thời điểm hiện tại mới xây dựng dự thảo Nghị quyết để thay thế Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND là chưa thực sự đảm bảo theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh trong thời gian tới cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kỹ, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định đối với các lĩnh vực đảm bảo kịp thời.

- Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết

+ Đối với phí bình tuyến, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Cơ quan soạn thảo đề nghị tăng mức để lại để trang trải cho việc thu phí từ mức 50% lên 80%, sau khi nghe báo cáo, giải trình của cơ quan soạn thảo, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí nội dung trên.

+ Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 từ năm 2017 đến nay, trong đó làm rõ mức chi, kết quả chi các khoản đối với phần thu để lại đơn vị thu phí.

+ Xem xét lại mức phí thu đối với từng đối tượng: cây mẹ, cây đầu dòng (đang cùng mức 2.000.000đ/01 lần bình tuyến, công nhận), vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đang cùng mức 5.000.000đ/01 lần bình tuyến, công nhận) do khác nhau về đối tượng, quy mô.

+ Tại Điểm a Khoản 7 Điều 1, đề nghị bỏ cụm từ "*theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành*".

+ Tại Điểm b Khoản 7 Điều 1, đề nghị bỏ các trích dẫn về Luật, Nghị định, Thông tư (tại phần căn cứ Nghị quyết đã có các văn bản này), sửa thành: "*Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành*".

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IX. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2022

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng tuyến đường 208 đi qua 04 huyện (Thạch An, Phục Hòa, Hạ Lang, Trùng Khánh) sẽ tạo thành hệ thống giao thông kết nối với các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 4A và kết nối các tuyến đường tỉnh với tuyến quốc lộ, là

huyết mạch giao thông quan trọng để kết nối các cửa khẩu trong tỉnh. Do đó, việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 1,0 ha⁹ rừng trồng sang mục đích khác để thực hiện dự: Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết

Dự án: Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Âu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh) được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Văn bản số 12/HĐND ngày 16/2/2017. Khu vực dự án có diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 14,47ha (giai đoạn 2 dự án chỉ thực hiện trên địa bàn huyện Hạ Lang, Trùng Khánh). Hiện trạng rừng đề xuất chuyển sang mục đích khác gồm rừng tự nhiên: 13,47ha, rừng trồng 1,0ha. HĐND tỉnh sẽ cho chủ trương chuyển mục đích sử dụng 1,0ha đất rừng trồng để thực hiện dự án, đối với 13,47ha rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo thẩm định của UBND tỉnh đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án được khẳng định là phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất; kế hoạch sử dụng đất của huyện Hạ Lang, Trùng Khánh.

6. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Đối với tên dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa thành: “*Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022 (bổ sung đợt 1)*”.

- Tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết: bổ sung cụm từ “(bổ sung đợt 1)” sau cụm từ “trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022”.

- Tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ “*đề nghị*” tại cột “*Diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng (ha)*”

- Đề nghị UBND tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

⁹ Rừng trồng quy hoạch rừng phòng hộ: 0,84ha, rừng trồng quy hoạch rừng sản xuất: 0,16ha

+ Chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, xác định vị trí, ranh giới đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa.

+ Yêu cầu chủ đầu tư dự án đầu tư thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác với phần diện tích 13,47ha theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

X. Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.
2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang áp dụng mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường theo Điều 1 Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh. Đến năm 2019 Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường là cần thiết, đảm bảo đúng với quy định hiện hành.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Qua thẩm tra Ban KTNS HĐND tỉnh còn một số ý kiến như sau:

- Đề nghị bãi bỏ mức phí “*thảm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi*” quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh do Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 đã sửa đổi nội dung: “*Phí thảm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thảm định do cơ quan địa phương thực hiện)*” thành “*Phí thảm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thảm định do cơ quan địa phương thực hiện)*”.

- Đề nghị nghiên cứu biểu mức thu phí thảm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Khoản c Điểm 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết theo hướng đơn giản hơn, dễ tra cứu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Tính toán lại mức thu phí thảm định theo quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án phân chia thành các mức khác nhau (dự thảo Nghị quyết đang đề 01 mức là 9 triệu đồng/hồ sơ thảm định).

- Đối với phí thảm định cấp Giấy phép môi trường (Khoản 3 Điều 2): Đề nghị UBND tỉnh làm tròn mức thu phí (đến đơn vị trăm nghìn), để thuận lợi trong việc thực hiện. Đồng thời bổ sung Danh mục các dự án đầu tư nhóm II, nhóm III vào phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Tại Điều 4. Tổ chức thực hiện và Điều 5. Điều khoản thi hành, đề nghị chỉnh sửa thành:

“Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 1 và mục 4 Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.”

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

XI. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất (bổ sung, điều chỉnh đợt 1)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP¹⁰ ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất hàng năm được xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào kỳ họp cuối năm trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện¹¹. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các địa phương, đơn vị lập Danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định tại kỳ họp giữa năm là phù hợp với thực tiễn.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

4. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

5. Về nội dung Nghị quyết: Qua thẩm tra Ban KTNS HĐND tỉnh còn một số ý kiến như sau:

- Đối với dự thảo Nghị quyết:

+ Đề nghị bổ sung Tờ trình số 1611 ngày 24/6/2022 của UBND vào căn cứ của dự thảo Nghị quyết, cập nhật lại số liệu, danh mục và diện tích các dự án, công trình thu hồi đất (do bổ sung dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Cao Bằng).

+ Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ bảng biểu, chỉnh sửa theo hướng nêu tên dự án, nội dung điều chỉnh, và kèm theo phụ lục cụ thể:

“2. Dự án, công trình điều chỉnh

Điều chỉnh 03 dự án thu hồi đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 16/12/2020, cụ thể:

- Dự án: Đường vào Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc 520 đến 534. Nội dung điều chỉnh: Sửa tên dự án, điều chỉnh diện tích thu hồi.

- Dự án: Đất di tích lịch sử văn hóa – Đồn Nà Ngần. Nội dung điều chỉnh: Sửa tên dự án, điều chỉnh diện tích thu hồi.

¹⁰ đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

¹¹ Khoản 1 Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: “UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”

- Dự án: Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Ấu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh diện tích thu hồi.

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ phụ lục 1 kèm theo dự thảo Nghị quyết. Lý do: nội dung phụ lục 1 đã được quy định tại dự thảo nghị quyết.

+ Đối với các phụ lục 1.1 đến 1.10, đề nghị sửa thành phụ lục 1 đến 10.

+ Tại phụ lục 2: bổ sung thêm cột “Lý do điều chỉnh” và nêu lý do điều chỉnh đối với từng dự án. Sửa phụ lục 2 thành phụ lục số 11.

- Đối với dự án tuyến đường tránh thành phố Cao Bằng: đề nghị báo cáo số diện tích thực hiện dự án, diện tích đã thu hồi, lý do thu hồi bổ sung.

- Đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (thu hồi đất bổ sung các thửa đất bị ngập úng do thi công hạng mục: Bãi đỗ thải số 04 (khe trũng số 04)): Đề nghị làm rõ căn cứ thu hồi bổ sung đối với các thửa đất bị ngập úng của hộ gia đình ông Triệu Văn Thanh do thi công hạng mục bãi đỗ thải số 04 (các thửa đất này không nằm trong phạm vi thực hiện dự án, nằm ngoài ranh giới giải phóng mặt bằng dự án).

- Sau khi được HĐND tỉnh thông qua các dự án, công trình bổ sung thu hồi đất năm 2022, đề nghị UBND tỉnh cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP¹² ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

XII. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022 (bổ sung, điều chỉnh đợt 1)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra: UBND tỉnh gửi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định.

3. Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

4. Về nội dung Nghị quyết: Qua thẩm tra Ban KTNS HĐND tỉnh còn một số ý kiến như sau:

¹² Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Đối với dự thảo Nghị quyết:

+ Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ bảng biểu, chỉnh sửa theo hướng nêu tên dự án, nội dung điều chỉnh, có phụ lục kèm theo cụ thể:

“2. Dự án, công trình điều chỉnh

Điều chỉnh 02 dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 và Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, cụ thể:

- Dự án: Đường vào Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc 520 đến 534. Nội dung điều chỉnh: Sửa tên dự án, điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

- Dự án: Đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) – xã Cách Linh, xã Triệu Ấu (huyện Phục Hòa) – xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) – xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh), tỉnh Cao Bằng. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ phụ lục 1 kèm theo dự thảo Nghị quyết. Lý do: nội dung phụ lục 1 đã được quy định tại dự thảo nghị quyết.

+ Đối với các phụ lục 1.1 đến 1.10, đề nghị sửa thành phụ lục 1 đến 10.

+ Tại phụ lục 2: bổ sung thêm cột “Lý do điều chỉnh” và nêu lý do điều chỉnh đối với từng dự án. Sửa phụ lục 2 thành phụ lục số 11.

Ban KT-NS HĐND tỉnh đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các báo cáo, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 8 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022) HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



La Văn Hồng
La Văn Hồng